

SO SÁNH VĂN HOÁ ĐÔNG Á VÀ ĐÔNG NAM Á

*Trường hợp Việt Nam và Nhật Bản*Vũ Minh Giang^(*)

Theo cách phân chia thông thường hiện nay thì Việt Nam và Nhật Bản ở vào hai khu vực văn hoá khác nhau. Nhật Bản là một nước Đông Á, còn Việt Nam thuộc Đông Nam Á. Không dễ gì đem văn hoá thuộc hai khu vực khác nhau để so sánh. Thế nhưng, mặc dù “*mọi sự so sánh đều là khập khiễng*”, chúng ta lại rất cần đến nghiên cứu so sánh để có thể hiểu sâu thêm từng đối tượng và hiểu rộng thêm mối quan hệ giữa các đối tượng này. Mặt khác, sự phân chia thành các khu vực văn hoá, thực chất cũng chỉ là một cách làm của các nhà khoa học nhằm phân lập một cách tương đối một thực thể nào đó, chứ hoàn toàn không có nghĩa là chia cắt chúng một cách tuyệt đối. Hơn thế, do tác động của hoàn cảnh lịch sử, các dân tộc ở các khu vực văn hoá khác nhau lại có nhiều mối quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp, vì vậy so sánh để tìm ra những mối liên hệ ấy, rút ra những điểm tương đồng và dị biệt lại là việc làm hết sức cần thiết và bổ ích. Nhật Bản và Việt Nam có thể coi là những trường hợp như thế. Hơn nữa, Việt Nam và Nhật Bản lại cùng chịu nhiều ảnh hưởng từ văn minh Trung Hoa, nên có không ít điểm tương đồng, nhưng nếu nghiên cứu sâu hơn những biểu hiện của ảnh hưởng này lại tìm ra những khác biệt đáng kể.

Chọn Nhật Bản để so sánh, tác giả bài này muốn đạt tới sự nhận thức sâu sắc hơn về văn hoá Việt Nam và qua đó, góp phần hiểu thêm về mối quan hệ Đông Á và Đông Nam Á.

Có nhiều phương pháp so sánh nhưng phương pháp được sử dụng trong bài này là so sánh theo tiêu chí. Theo chúng tôi có thể chọn 5 tiêu chí sau đây:

1. Điều kiện tự nhiên và môi trường sinh thái

Với nhận thức của khoa học ngày nay, điều kiện tự nhiên và môi trường sinh thái được coi là tác nhân cực kỳ quan trọng đến sáng tạo văn hoá của con người. Sự tác động qua lại (interaction) giữa tự nhiên và con người là nhân tố chính tạo nên đặc trưng văn hoá.

2. Những đặc điểm về cư dân và đặc trưng văn hoá truyền thống

Nói tới văn hoá không thể không xem xét chính chủ thể của văn hoá tạo nên nguồn gốc, quá trình tộc người và đặc điểm của cả cộng đồng là những yếu tố không thể bỏ qua. Còn đặc trưng của văn hoá truyền thống ở đây là xét trên những đặc trưng chung nhất của 4 thành tố cấu thành văn hoá⁽¹⁾.

^(*)GS.TSKH, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

⁽¹⁾4 thành tố văn hoá đó là: Sản xuất của cải vật chất, đảm bảo đời sống, quy phạm và tâm linh.

3. Sự hình thành nhà nước đầu tiên

Đây là sự kiện có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với mọi dân tộc vì sự xuất hiện nhà nước vừa là cái mốc đánh dấu bước nhảy vọt của một cộng đồng cư dân đưa họ bước vào thời đại văn minh, vừa là sự kết tinh của những thành tựu về văn hoá đã đạt được trước đó, bước đầu định hình một bản sắc văn hoá.

4. Các hình thức tổ chức nhà nước trong lịch sử

Từ khi nhà nước hình thành, mặc dù là sản phẩm của văn hoá do chính con người tạo ra nhưng các hình thức tổ chức nhà nước có tác động rất mạnh mẽ đến chiều hướng phát triển của lịch sử và chi phối những đặc trưng của xã hội.

5. Ứng xử với văn hoá ngoại lai

Văn hoá được sản sinh trong một không gian nhất định và giới hạn của nó thường là môi trường tự nhiên, nhưng văn hoá không bao giờ là đóng kín. Sự lan toả những giá trị của một nền văn hoá này tới những nền văn hoá khác là một hiện tượng tự nhiên, nhưng ứng xử trước hiện tượng tự nhiên ấy lại phụ thuộc vào tính cách của cộng đồng cư dân và vì vậy, phản ánh đặc trưng của chính những nền văn hoá chịu tác động. Do đó đây có thể coi là một trong những tiêu chí để có thể tìm ra sự tương đồng và khác biệt giữa các nền văn hoá.

Xét theo tiêu chí thứ nhất về *điều kiện tự nhiên và môi trường sinh thái*, có thể thấy Việt Nam là một bán đảo với diện tích tự nhiên hơn 33 vạn km² và hơn 3000km bờ biển. Chỉ số duyên hải (ISCL) tính được ≈ 106. Trong khi đó, Nhật Bản là một quần đảo với 3.600 hòn đảo lớn nhỏ quây quần xung quanh 4 hòn đảo lớn. Tổng diện tích

tự nhiên ≈ 377.000 km² và 29.000 km bờ biển, chỉ số ISCL ≈ 13⁽²⁾.

Do địa hình dốc, mưa theo mùa tạo thành mạng lưới sông ngòi dày đặc (trên có tới gần 3.000 con sông lớn nhỏ), xoè theo hình nan quạt ở phía bờ biển. Do bồi lấp không hoàn chỉnh, vùng đồng bằng hay có úng lụt, tạo thành vùng sinh thái có nhiều mật nước chiếm chỗ. Người Việt gọi Tổ quốc mình là NƯỚC.

Khí hậu Việt Nam tương đối đa dạng. Ở Miền Bắc có bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông rõ rệt. Miền Nam chia thành 2 mùa Khô và Mưa. Đặc điểm chung là nóng, ẩm, rất thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, nhưng cũng là môi trường thuận lợi cho dịch bệnh. Cùng với chế độ nhiệt đới gió mùa, hằng năm có bão, thiên nhiên cũng đặt ra không ít những thử thách hiểm nghèo. Mưa, lũ, bão, ẩm, dịch bệnh là những thiên tai mà người Việt thường xuyên phải đối phó.

Do lãnh thổ trải dài trên 15 vĩ tuyến, lại có nhiều mạch núi cắt ngang, tạo thành nhiều ô khí hậu khác nhau mà rõ nhất là Bắc, Trung, Nam bộ. Cùng với sự đa dạng về địa hình, sự khác biệt về khí hậu là những yếu tố tự nhiên tạo nên sự đa dạng, phong phú về văn hoá phân bố theo vùng, miền.

Việt Nam là nước có nguồn tài nguyên khoáng sản đa dạng và phong phú, nhưng nhìn chung trữ lượng không cao. Ưu thế tài nguyên chủ yếu là đất. Nông nghiệp đã

²⁾ Chỉ số duyên hải được tính bằng công thức: $ISCL = \sum x_i / \sum y_i$ (Tổng diện tích tự nhiên chia cho tổng chiều dài đường bờ biển). Ở Nhật Bản ISCL ≈ 13, Việt Nam ≈ 106. Có nghĩa là 1 km đường bờ biển chỉ che phủ tương ứng với mỗi nước là 13 km² và 106km² diện tích lục địa. Theo đó, chỉ số ISCL càng thấp thì tác động của biển tới văn hoá càng mạnh.

xuất hiện sớm và là ngành kinh tế chủ đạo trong suốt mọi thời kỳ lịch sử.

Một đặc điểm nổi bật của điều kiện tự nhiên Việt Nam là vị trí địa lý giao tiếp, là nơi giao lưu của nhiều dòng văn hoá và là nơi luôn bị tác động của khu vực và thế giới. Lãnh thổ quốc gia được mở rộng dần theo thời gian.

Nhật Bản tuy có diện tích tự nhiên rộng hơn một chút, nhưng khác với Việt Nam nước này có tới 75% diện tích là núi và 67% rừng xanh che phủ. Với lượng mưa không lớn (trung bình khoảng 300mm/năm) và do địa hình núi gần biển, Nhật Bản không có nhiều sông. 13 con sông chính được ghi trong các sách địa lý đều ngắn, nhỏ và nghèo phù sa. Nhật Bản hầu như không có đồng bằng châu thổ⁽³⁾. Ngay cả những vùng được gọi là đồng bằng như vùng Kanto (Quan Đông) và Kansai (Quan Tây), thực chất cũng chỉ là những thung lũng lớn được tạo thành bởi nham thạch của núi lửa. Nhật Bản có tới 200 núi lửa, trong số đó 60 ngọn vẫn còn đang hoạt động. Chính vì vậy mà biểu tượng của người Nhật là núi lửa Fuji. Cả nước có khoảng 300 thung lũng, bị chia cắt thành 7 vùng núi lửa. Do địa hình chia cắt, văn hoá Nhật Bản có thể chia thành nhiều vùng địa phương.

Bù lại sự chật hẹp về đất đai cư trú và canh tác, Nhật Bản có biển lớn vây quanh với hệ thống cảng biển dày đặc và nguồn tài nguyên biển phong phú. Nếu như sông ngòi có ảnh hưởng lớn đến văn hoá Việt thì biển là tác nhân quan trọng tạo nên bản sắc văn hoá Nhật.

Khí hậu Nhật Bản có sự cách biệt khá xa. Có vùng lạnh như Siberi (đảo Hokkaido), lại có vùng ấm như Đông Nam Á (Okinawa và các đảo cực nam). Quanh năm có bốn mùa rõ rệt nhưng độ ẩm không cao. Khí hậu nói chung không thật thuận lợi cho phát triển nông nghiệp. Thêm vào đó, Nhật Bản được coi là nước thiên tai rất khắc nghiệt với sự hoành hành thường xuyên của động đất, lũ quét, sóng thần, bão biển và núi lửa.

Nghèo về tài nguyên⁽⁴⁾ kể cả đất canh tác, Nhật Bản chỉ có khoảng 2,5 triệu ha đất có thể canh tác được nhưng chỉ trong một vụ xuân hè.

Nhật Bản nằm giữa biển, nhưng trong các giai đoạn lịch sử trước khi có sự xuất hiện của người châu Âu, vị trí địa lý của quần đảo tương đối cách biệt nên ít chịu tác động tự nhiên mà thường chủ động du nhập các yếu tố văn minh từ bên ngoài.

So với Việt Nam, Nhật Bản là nước có lãnh thổ tương đối ổn định.

Qua những điều trình bày trên đây có thể rút ra một số nét tương đồng cũng như khác biệt về điều kiện tự nhiên và môi trường sinh thái giữa Việt Nam và Nhật Bản.

Những nét tương đồng có thể thấy qua những đặc điểm mang tính hình thức như diện tích tự nhiên (33 vạn/38 vạn km²), địa hình, khí hậu đa dạng với đủ các vùng rừng núi, đồng bằng và duyên hải. Cả hai quốc gia đều phải đối phó với những thiên tai hiểm nghèo... Nhưng nếu phân tích sâu hơn những tham số tự nhiên thì thấy những điểm dị biệt là rất đáng kể. Trước hết đó là sự khác nhau giữa một bán đảo

⁽³⁾ Trong một số sách địa lý của Nhật Bản có nhắc đến châu thổ sông Ota, tức vùng có thành phố Hiroshima, nhưng thực ra đây chỉ là nơi về đặc trưng thành tạo chứ quy mô bồi tụ và chất lượng phù sa của vùng này không giống với châu thổ ở các nơi khác trên thế giới.

⁽⁴⁾ Thực ra Nhật Bản đã từng có những mỏ khoáng sản lớn như đồng, bạc, vàng... nhưng tất cả hầu như đều đã khai thác hết từ thế kỷ XVII.

với một quần đảo, do đó chỉ số ISCL chênh nhau tới hơn 8 lần (13/106). Do đặc điểm này mà tác động của yếu tố biển tới đời sống văn hoá của mỗi dân tộc rất khác nhau. Sự khác biệt còn thể hiện ở mức độ thuận lợi và thử thách do thiên nhiên đem lại như khắc nghiệt của thiên tai, sự phong phú giàu có về tài nguyên và ảnh hưởng của vị trí địa lý.

Trong tiêu chí thứ hai: *cư dân và đặc trưng văn hoá*, Việt Nam luôn được nhận diện như một quốc gia đa dân tộc. Ít nhất có tới 54 dân tộc với ngôn ngữ và truyền thống văn hoá khác nhau, nhưng có một dân tộc chủ thể là người Kinh (hay Việt).

Đặc trưng văn hoá Việt được hình thành trong quá trình lịch sử lâu dài do tác động của nhiều nhân tố, nhưng về đại thể có thể coi những nhân tố sau đây có vai trò tác động chính yếu:

- Tác động của môi trường "nước". Do tác động này mà hình thành các dạng thức văn hoá sông-nước với những tính cách của cư dân ở gần/trên sông, nước (can đảm, linh hoạt, mềm dẻo, dễ thích ứng, giỏi xử lý tình huống ...).

- Tác động của hoàn cảnh lao động sản xuất (nông nghiệp trồng lúa nước). Trong quá trình chinh phục đồng bằng châu thổ, đắp đê, điều tiết nước để sản xuất và hợp lực phòng chống lũ lụt, người Việt cần tới sức mạnh cộng đồng. Làng, một loại hình tụ cư đậm tính cố kết trở thành hội điểm của rất nhiều đặc trưng văn hoá. Trong bảng giá trị truyền thống, đoàn kết (cố kết cộng đồng), hiếu với cha mẹ (gia đình hạt nhân là tế bào xã hội) và trọng lão (trọng kinh nghiệm) luôn là những chuẩn mực được đề cao. Nhưng cũng do hoàn cảnh sản

xuất mà người nông dân Việt không quen hạch toán và lường tính xa. Bình quân (chia đều) trở thành một phương thức hữu hiệu duy trì mối quan hệ hoà đồng trong làng xã.

- Tác động của hoàn cảnh lịch sử mà nổi bật là phải thường xuyên đối phó với chiến tranh xâm lược. Tác động này đã tạo nên truyền thống bất khuất kiên cường, có ý thức độc lập tự chủ cao. Đồng thời cũng chính do tác động này mà thiết chế cộng đồng được gia cố thêm.

Về tôn giáo, tín ngưỡng, người Việt coi trọng đạo thờ cúng tổ tiên. Trong quá trình tiếp xúc với văn minh Trung Hoa, Ấn Độ và phương Tây, Nho giáo, Phật giáo, Thiên chúa giáo lần lượt được du nhập vào Việt Nam. Các tôn giáo ngoại lai và các loại hình tín ngưỡng bản địa đã dung hợp nhau cùng tồn tại và phát triển. Việt Nam trở thành một xứ sở hỗn dung tôn giáo.

Khác với Việt Nam, Nhật Bản là một quốc gia thuần chủng, có bản sắc chung rất rõ nét. Trong kết cấu cư dân hiện nay 99,4% dân số là người Nhật, bộ phận những cư dân khác còn lại chỉ chiếm 0,6% (gồm 600.000 người Triều Tiên, 40.000 người TQ và khoảng 20.000 người Ainu). Quá trình "thuần chủng hoá" này đã diễn ra trong một quá trình lịch sử lâu dài trong điều kiện quần đảo Nhật Bản sống tương đối tách biệt với thế giới bên ngoài. Địa hình bị chia cắt bởi núi non, thung lũng và đảo dẫn tới sự hình thành nhiều dạng thức văn hoá địa phương. Người ta đã từng chia Nhật Bản thành 6 vùng văn hoá là Bắc hải đạo (đảo Hokkaido), Bắc lục đạo (vùng núi phía bắc, giáp biển Nhật Bản, chủ yếu là các tỉnh Nigata, Kanazawa), Đông hải đạo (vùng đồng bằng Kanto),

Kinki (vùng đồng bằng Kansai), Tây hải đạo (đảo Kyushu), Nam hải đạo (đảo Shinkoku và các đảo phía nam).

- Xét về tác động của môi trường có thể thấy biển, núi, thung lũng, khí hậu ôn đới, núi lửa và động đất là những nhân tố tự nhiên tác động mạnh mẽ và thường xuyên đến quá trình hình thành văn hoá truyền thống Nhật Bản. Do tác động đó mà trong tính cách Nhật Bản cứng rắn, tiết kiệm, trung thành với các giá trị truyền thống và rất cấu toàn. Vị trí địa lý tương đối biệt lập (của cả quần đảo và của từng vùng) đã tạo nên tính cách đóng kín nhưng lại luôn có mặc cảm "bị cô độc" nên luôn mong muốn hội nhập và học tập cái hay ở người khác.

- Về hoàn cảnh lịch sử, có thể thấy trong suốt thời kỳ trung đại, ngoại trừ hai lần bị tấn công xâm lược nhưng không thành bởi quân Mông - Nguyên, Nhật Bản hầu như không phải đối phó với ngoại xâm. Thay vì các cuộc kháng chiến bảo vệ tổ quốc, nội chiến giữa các thế lực phong kiến địa phương diễn ra tương đối thường xuyên và kết cục dẫn đến sự hình thành thiết chế Mạc phủ mà thực chất là sự thống trị của chính quyền quân sự, đứng đầu là các dòng họ Shogun (Tướng quân) song song với sự tồn tại phần nhiều trên danh nghĩa một chính quyền dân sự do Teno (天皇//Thiên hoàng) đứng đầu. Hoàn cảnh lịch sử này đã tạo nên tính kỉ luật, đề cao vai trò người chỉ huy. Chuẩn mực đạo đức đề cao là giữ chữ tín. Sự phát triển mạnh mẽ của các phong kiến địa phương tại mỗi thung lũng đã dẫn tới sự hình thành các đơn vị thân binh (Samurai) sau trở thành một tầng lớp có vị trí đặc biệt quan trọng trong xã hội dưới tên gọi Bushi (武士 //Vũ sĩ). Trong xã hội truyền thống, đại bộ phận cư dân sống ở nông thôn. Họ tụ cư thành các đơn vị gọi là

mura (村//thôn). Khác với cấu trúc làng ở Việt Nam, trong các mura của Nhật Bản, xã hội có cấu trúc theo chiều dọc, nghĩa là có trật tự, lớp lang. Mọi thành viên đều có chức năng, bổn phận rất rõ ràng. Quan niệm "cá mè một lứa" hay "cá đối bằng đầu", một kiểu dân chủ làng xã theo lối bình quân chủ nghĩa thường thấy ở Việt Nam, rất xa lạ với xã hội Nhật Bản.

Tôn giáo giữ vị trí độc tôn ở Nhật Bản là Shinto (神道 //Thần đạo). Tôn giáo này đã hoà trộn nhiều yếu tố Nho, Phật trên nền tín ngưỡng thờ tổ tiên là nữ thần mặt trời. Các tôn giáo khác ở Nhật rất kém phát triển, trừ Phật giáo Đại thừa.

Nhật Bản đã có thời coi văn minh Trung Hoa là mẫu hình lý tưởng để học theo, nhưng Nho giáo khi du nhập vào Nhật Bản không phải là nguyên mẫu. Người Nhật đã chọn lựa từng bộ phận nhưng rất tuân thủ giáo lý. Hệ thống tuyển chọn quan lại bằng thi cử hoàn toàn không được người Nhật áp dụng.

Trên bình diện cư dân và đặc trưng văn hoá, những nét tương đồng của Việt Nam và Nhật Bản thể hiện ở chỗ cả hai cộng đồng đều thuộc chủng Mongoloid và có chung yếu tố Nam Á.

Văn hoá truyền thống của cả hai dân tộc đều hình thành trên nền tảng sản xuất nông nghiệp trồng lúa nước nên những đặc trưng như tính cộng đồng cao, trọng kinh nghiệm, tuổi tác, đều có nhiều nét tương đồng. Cùng chịu ảnh hưởng của văn minh Trung Hoa nên Nho giáo, Đạo giáo và nhiều chuẩn mực Trung Hoa có thể tìm thấy trong văn hoá cả hai nước.

Tuy nhiên, tính chất da dân tộc của cộng đồng cư dân Việt Nam rất khác với

đặc điểm thuần chủng của người Nhật. Mặt khác, sự trội vượt của yếu tố phương nam và sự thiếu vắng hoàn toàn hoạt động du mục của cư dân Việt và tính trội yếu tố phương Bắc với sự hiện diện của kinh tế du mục trong một thời kỳ lịch sử của Nhật Bản đã dẫn tới sự khác biệt đáng kể trong hai nền văn hoá. Nếu như ở Việt Nam, ảnh hưởng từ dưới lên là đặc trưng chủ đạo thì với văn hoá Nhật Bản ảnh hưởng từ trên xuống lại là xu hướng chi phối.

Việt Nam không có quốc đạo trong khi đó ở Nhật Bản Shinto được coi là quốc giáo. Sự khác biệt trong văn hoá còn thể hiện ở tính cách ứng xử của hai dân tộc. Một bên là mềm mỏng, linh hoạt, dễ thích ứng, một bên coi trọng nguyên tắc, kỉ luật. Trong bảng giá trị đạo đức, đối với người Việt quan trọng nhất là chữ Hiếu còn người Nhật thì trọng Tín.

Nhà nước đầu tiên ở Việt Nam được xác định vào cuối thời Đông Sơn, cách ngày nay khoảng 2500 - 2700 năm. Như vậy là tương đối sớm. Tuy nhiên đây không phải là kết quả của một quá trình phân hoá xã hội sâu sắc mà trên cơ sở phát triển nhất định của các tiền đề kinh tế xã hội, những tác động khách quan của nhu cầu sản xuất và chống xâm lấn đã đẩy nhanh quá trình này. Ngay sau khi ra đời, nhà nước Văn Lang và sau đó là Âu Lạc đã phải liên tục đương đầu với quá trình bành trướng xuống phương nam của các đế chế Trung Hoa. Đây là điểm khác biệt lớn của lịch sử Việt Nam so với Nhật Bản.

Từ giai đoạn văn hoá Yayoi (thế kỷ III TCN-III SCN), kỹ thuật luyện kim và nghề trồng lúa nước du nhập vào Kyushu đã tạo nên bước nhảy vọt trong lịch sử Nhật Bản. Cùng với sự phát triển về kinh tế, phân hoá xã hội trở nên ngày càng sâu

sắc. Vào giữa thế kỉ I SCN, tầng lớp Shucho (thủ lĩnh) giàu có xuất hiện. Sau đó hàng loạt Kuni (một loại hình nhà nước sơ khai) được hình thành, trong đó mạnh nhất là nước Wa. Ngay sau khi thành lập, vào năm 57 SCN, nước này đã xin thần phục nhà Hán, mở ra một thời kỳ phát triển theo quỹ đạo của văn minh Trung Hoa.

Về các hình thức tổ chức nhà nước trong lịch sử, mặc dù đã từng tồn tại nhiều kiểu loại nhà nước khác nhau, nhưng xu hướng chủ đạo là sự thắng thế của hình thức nhà nước trung ương tập quyền. Dưới thời Lý-Trần (1009-1400), mô hình "tập quyền thân dân" tồn tại gần 4 thế kỷ. Cả thế kỷ XV là thời kỳ thịnh trị của mô hình "tập quyền quan liêu" và thế kỷ XIX là thời kỳ thống trị của mô hình "tập quyền chuyên chế". Duy chỉ có giai đoạn từ năm 1600 đến 1789 trong bối cảnh chiến tranh phe phái triển miên, ở Đàng Ngoài tồn tại một thiết chế khá đặc biệt với sự tồn tại song song hai chính quyền: triều Lê trên danh nghĩa và Chúa Trịnh (chính quyền quân sự) nắm thực quyền.

Ở Nhật Bản, từ thế kỷ VII, dưới tác động của mô hình cai trị của nhà Đường, Nhật Bản cũng cố gắng xây dựng một chính quyền trung ương tập quyền dựa trên một hệ thống pháp luật hoàn bị đứng đầu là Thiên hoàng. Tuy nhiên từ thế kỷ X, chính quyền trung ương suy yếu vì các vị Kokushi do chính quyền trung ương cử đến đứng đầu Kuni ngày càng có nhiều Shoen (trang viên) do được tặng biếu.

Trong thời kỳ này, hình thức xin thâu khai khẩn đất hoang (Myo) rất phát triển. Người trúng thâu gọi là Tato. Người nhiều ruộng gọi là Daimyotato. Những người này có rất nhiều Samurai (người hầu cận) làm cơ sở cho việc hình thành lực lượng vũ

trang riêng. Đây chính là nguyên nhân dẫn tới những cuộc chiến tranh giữa các thế lực phong kiến địa phương và sự hình thành thể chế Bakkufu (Mạc phủ) từ năm 1192 và kéo dài cho đến tận cải cách Minh Trị (1868).

Những điểm tương đồng về tổ chức nhà nước của Việt Nam và Nhật Bản có thể thấy ở 3 điểm:

- Cùng chịu ảnh hưởng từ mô hình Nho giáo của Trung Hoa

- Đều chú trọng pháp luật

- Đặc biệt là thiết chế hai chính quyền ở Việt Nam từ 1600 đến năm 1789 và thiết chế Mạc phủ ở Nhật Bản từ 1192 đến 1868.

Sự khác biệt thể hiện ở chỗ:

- Việt Nam luôn thiết lập được thiết chế tập quyền mạnh còn ở Nhật Bản, chính quyền ở các địa phương mới là thế lực chi phối mọi mặt của đời sống xã hội. Thể chế Mạc phủ chỉ có thể khống chế địa phương về mặt quân sự.

- Do cần tới một đội ngũ quan lại hùng hậu, các chính quyền phong kiến Việt Nam bắt đầu từ triều Lý (1076) đã tiến hành tổ chức các kỳ thi để tuyển chọn nhân tài. Từ đó hình thành một hệ thống lưỡng ban (văn và võ). Chính quyền phong kiến Nhật Bản chưa bao giờ áp dụng hệ thống này. Vì vậy tầng lớp sĩ ở Nhật Bản chính là các Samurai văn võ kiêm toàn.

Trong quá trình *tiếp xúc với văn hoá ngoại lai*, Việt Nam có ưu thế về vị trí địa lý. Và trên thực tế đã tiếp thu không ít những giá trị từ những nền văn hoá khác. Tuy nhiên do những đặc điểm đã nêu ở các phần trên, ứng xử truyền thống của người Việt với văn hoá ngoại lai thường bắt đầu

từ sự hoài nghi, rồi sau đó buộc phải chấp nhận nhưng tìm mọi cách cải biến theo chuẩn mực của mình. Trong khi đó, do hoàn cảnh lịch sử và những đặc trưng văn hoá khác biệt, người Nhật luôn cho rằng ở ngoài Nhật Bản có rất nhiều giá trị văn hoá cao hơn, nếu tiếp thu được sẽ tạo cho văn hoá của họ những bước nhảy vọt (kỹ thuật đúc đồng, lúa nước, các chuẩn mực văn minh Trung Hoa...) vì vậy ứng xử truyền thống của người Nhật là xác định đâu là đỉnh cao rồi cố chí học theo. Điều này còn bao hàm cả việc sau khi nhận ra một mô hình nào đó đã lỗi thời, họ sẵn sàng từ bỏ để đến với những chuẩn mực cao mới. Đó là trường hợp Nhật Bản quay lưng lại với mô hình Trung Hoa sau khi Chiến tranh thuốc phiện chấm dứt với thắng lợi của người phương Tây. Từ đây chuẩn mực mà người Nhật quyết chí noi theo là văn minh phương Tây.

Từ những phân tích sự tương đồng và dị biệt theo các tiêu chí trên đây có thể đi tới một số nhận định tổng quát.

1. Ta thường nói đến sự tương đồng văn hoá giữa Việt Nam và Nhật Bản (đồng văn, đồng chủng). Điều này đúng vì cả hai dân tộc đều có những giá trị chung của châu Á lấy nghề trồng lúa nước làm nền tảng kinh tế, đều chịu ảnh hưởng từ văn minh Trung Hoa và xét trên nhiều khía cạnh cụ thể cũng có thể tìm ra những điểm tương đồng. Chẳng hạn như sự tồn tại hai chính quyền quân sự và dân sự trong một thời kỳ lịch sử. Đây là cơ sở thuận lợi trong quá trình giao lưu, hợp tác và học hỏi lẫn nhau.

2. Nhưng sẽ là sai lầm nếu cho rằng sự tương đồng giữa Việt Nam và Nhật Bản lớn tới mức có thể dùng chuẩn mực của nền

văn hoá này để suy ra những đặc điểm tương tự ở nền văn hoá kia. Chẳng hạn như tính cách nông dân trồng lúa nước của Việt Nam hoàn toàn không thể dùng để quy chiếu tính cách nông dân Nhật Bản.

3. Để có thể học tập và mở rộng hợp tác, nhất thiết phải có những nghiên cứu cụ thể và sâu sắc. Điều này không chỉ đúng

với trường hợp Việt Nam và Nhật Bản mà còn đúng với các trường hợp khác. Nói rộng ra về sự tương đồng và khác biệt văn hoá của hai khu vực Đông Á và Đông Nam Á cũng cần tính tới việc phải xem xét thật cụ thể từng trường hợp và từng tác nhân dẫn tới sự tương đồng và khác biệt đó.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Д.Н. Анучин : *Япон и Японцы*. Москва, 1907.
2. R. Benedict : *The Chrysantemum and Sword*. Boston, 1947.
3. Е.И. Бунгакова : *Япон и Японцы*. Москва, 1983.
4. Vũ Minh Giang. *Khu vực học với nghiên cứu phương Đông*, Kĩ yếu Hội thảo Đông phương học toàn quốc lần thứ nhất, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2000.
5. R. Guillain, *Japan - troisième Grand*. Paris, 1969.
6. W. Ouchi, *Thuyết Z*, Viện kinh tế thế giới, 1986.
7. В.А. Пронников - И.Д. Ладанов : *Японцы*, Москва, 1981.
8. J.Roggendorf, *Studies in Japanese Culture*, Tokyo, 1963.
9. R. Smith, *Japanese Culture*. Chicago, 1962.
10. Trần Ngọc Thêm, *Tim về bản sắc văn hoá Việt Nam*, Thành phố Hồ Chí Minh, 1987.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, SOC., SCI., HUMAN, T.XIX, №2, 2003

SOUTHEASTERN CULTURE IN COMPARISON WITH EASTERN ONE

The case study of Vietnam and Japan

Prof.Dr.Sc. Vu Minh Giang

Department of History

College of Social Sciences and Humanities- VNU

On definement of five criteria such as natural condition and environment, population and cultural identities, establishment of State, models of governmental organization, treatment with alien cultures, author carried out the comparison of culture between Vietnam and Japan. Though this case study, paper contributed to enhance understanding similarities and differences in culture between two nations as well as two areas, stimulated comparative methodology in cultural study.